

Bản án số: 17/2021/HS - ST

Ngày: 10 – 3 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Ông Nguyễn Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 25/02/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T -sinh năm 1983**

Tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: thôn Đ, xã ĐT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Thợ mộc

Trình độ văn hóa: 09/12

Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

Con ông: Trần Văn T1- sinh năm 1956

Con bà: Nguyễn Thị H- sinh năm 1957

Vợ: Nguyễn Thị T2- sinh năm 1984

Con: Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019

Anh, chị em ruột: Gia đình có 03 anh em, Bị cáo là con thứ nhất

Tiền án, tiền sự: chưa

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại Tạm giam công an tỉnh Bắc Giang – có mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1977 – vắng mặt

Địa chỉ: thôn L, xã BL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Thị T2, sinh năm 1984 – có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

Địa chỉ: thôn Đ, xã ĐT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Nguyễn Xuân T3, sinh năm 1960 – có mặt

Địa chỉ: thôn NT, xã HT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 10 phút ngày 27/12/2020 tại đoạn đường ngã 3 thuộc xóm 4, thôn L xã BL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tổ công tác của Công an xã BL, huyện Hiệp Hòa bắt quả tang Trần Văn T, sinh năm 1983 ở thôn Đ, xã ĐT, huyện Hiệp Hòa có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tại cạnh chân T đang đứng 01 túi nilon màu trắng 01 đầu có rãnh khóa bằng nhựa bên trong có 02 túi nilon màu trắng (01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng, 01 túi nilon, chứa 03 viên nén màu hồng đỏ, trên mỗi mặt của mỗi viên đều có chữ “WY”). T khai nhận là ma túy đá và ngựa của T tàng trữ để sử dụng, khi bị bắt quả tang bị rơi xuống đất. Tổ công tác đã lập biên bản quả tang niêm phong toàn bộ số vật chứng trên trong phong bì ký hiệu “QT”; ngoài ra, Công an xã BL còn thu giữ của T 01 xe mô tô biển kiểm soát 98L5-9462; 01 điện thoại di động Iphone 5s có số Imei: 352031061327143. T khai số ma túy trên T mua của Nguyễn Văn N, sinh năm 1977 ở thôn L, xã BL, huyện Hiệp Hòa với giá 500.000 đồng..

Cùng ngày, Công an xã BL đã chuyển hồ sơ trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T và nhà anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1977 ở thôn L, xã BL, huyện Hiệp Hòa nhưng không phát hiện ma túy.

Ngày 28/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang giám định số vật chứng thu giữ khi bắt quả tang của Trần Văn T.

Tại kết luận giám định số 1940/KL-KTHS ngày 29/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

“Trong 01 phong bì có ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định:

Trong 01(một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa:

- 03(ba) viên nén màu hồng đỏ, trên một mặt của mỗi viên nén đều có chữ “WY” đựng trong 01 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu đỏ là ma túy, có tổng khối lượng 0,272 gam, loại Methamphetamine.

-Tinh thể màu trắng đựng trong 01(một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viên màu đỏ là ma túy, có khối lượng 0,792 gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội của Bị cáo và nguồn gốc số ma túy như sau:

Bị cáo Trần Văn T là người bị nghiện ma túy. Theo T khai nhận, buổi chiều ngày 27/12/2020 T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SunFat biển kiểm soát 98L5-

9462 từ nhà T đến nhà Nguyễn Văn N, sinh năm 1977 ở thôn L, xã BL, huyện Hiệp Hòa để mua ma túy. Khi T đến nhà N có gặp anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1985 ở thôn HĐ, xã QM, huyện Hiệp Hòa; Ngô Văn L, sinh năm 1968 ở thôn XB, xã XC, huyện Hiệp Hòa; Ngô Văn H2, sinh năm 1983 ở thôn HĐ, xã QM, huyện Hiệp Hòa. T bảo N mua hộ 500.000 đồng tiền ma túy, N đồng ý và đi mua ma túy cho T, sau đó N gọi điện thoại cho T bảo đi ra khu vực ngã ba thôn L. T đi xe đến khu vực ngã ba thôn L cầm số ma túy do N đưa cho đang cất vào túi áo của mình để về nhà sử dụng thì bị Công an bắt quả tang. Ngoài ra T còn khai nhận, trước đó có mua ma túy của N khoảng 03 đến 04 lần để sử dụng (khi mua đi cùng anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1998 ở thôn TH, xã MT, huyện Hiệp Hòa và có ghi âm lại các giao dịch mua ma túy giữa T và N (các File ghi âm T lưu trong chiếc điện thoại do vợ T là chị Nguyễn Thị T2 đang quản lý).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã thu giữ của chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1984 (vợ T) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FORME theo T khai là điện thoại của T cho chị T2 sử dụng có lưu các File ghi âm việc T mua ma túy của N. Tiến hành cho T kiểm tra chiếc điện thoại trên và chiếc điện thoại di động thu giữ của T khi bắt quả tang. Kết quả không có File ghi âm nào; Không có liên hệ điện thoại nào giữa T và N theo như lời khai của T.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn N khai không biết T và không bán ma túy cho T; anh Nguyễn Văn T4 khai không đi mua ma túy cùng T; các anh Hoàng Văn H1; Ngô Văn L; Ngô Văn H2 khai không gặp T tại nhà N ngày 27/12/2020. Cơ quan điều tra đã cho T đối chất với anh N, anh T4, anh H1, anh L, anh H2 nhưng không có kết quả nên không có căn cứ xác định anh N bán ma túy cho T.

Về vật chứng của vụ án: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98L5-9462 là của ông Nguyễn Xuân T3, sinh năm 1960 ở thôn NT, xã HT, huyện Hiệp Hòa (là bố vợ T) cho T mượn; ông T3 không biết T sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại ông T3 chiếc xe mô tô trên; Chiếc điện thoại di động Iphone 5s khi bắt quả tang thu giữ là của T; chiếc điện thoại di động FORME là của chị Nguyễn Thị T2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đang tạm giữ các tài sản trên.

Cáo trạng số 22/CT-VKS-HH ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận có dùng điện thoại gọi điện cho anh Nguyễn Văn N để hỏi mua ma túy. Bị cáo đã đến nhà anh N để mua ma túy, khi bị bắt quả tang anh N chưa đưa ma túy cho bị cáo. Số ma túy thu giữ được là của anh N chưa đưa cho bị cáo, khi bị bắt quả tang anh N vút ở dưới chân bị cáo. Khi bị bắt về xã bị cáo bị Công an xã BL đánh đập, hướng dẫn khai như vậy. Khi được nói lời sau cùng bị cáo mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho mình.

- Ông Nguyễn Xuân T3 trình bày: Chiếc xe máy mà bị cáo T dùng để đi mua

ma túy được ông cho vợ chồng anh T, chị T2 mượn để đi làm cách đây hơn 1 năm trước. Hôm bị cáo T đi mua ma túy không nói cho ông biết, ông cũng không biết T đi xe máy mình cho mượn để đi mua ma túy.

- Chị Nguyễn Thị T2 trình bày: Chị là vợ của bị cáo T. Chiếc điện thoại mà cơ quan điều tra thu giữ của chị là tài sản của chị, không dùng vào việc mua ma túy của T. Chị đề nghị HĐXX trả lại chị chiếc điện thoại này.

Tại phiên tòa, sau phần xét hỏi tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”
- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.
- Xử phạt Trần Văn T từ 24 tháng tù đến 28 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.
- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.
- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định.
- Tịch thu chiếc điện thoại di động Iphone 5s khi bắt quả tang thu giữ của bị cáo T.
- Trả lại chị Nguyễn Thị T2 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FORME
- Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Hiệp Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về sự vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt anh N không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người này.

[3] Về tội danh:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 27/12/2020, tại thôn L, xã BL, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Trần Văn T - sinh năm 1983 ở thôn Đ, xã ĐT, huyện Hiệp Hòa đang có hành vi tàng trữ trái phép 1,064 gam ma túy Methamphetamine với mục đích để sử dụng thì bị công an xã BL, huyện Hiệp Hòa phát hiện bắt quả tang.

Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng mình chưa được cầm ma túy, lời khai tại Công an xã BL của bị cáo là do bị đánh đập, hướng dẫn khai HĐXX thấy: Bị cáo thừa nhận khi làm việc với điều tra viên và kiểm sát viên bị cáo đều không bị bức cung, nhục hình hay mớm cung. Do vậy, lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra là có cơ sở, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp về thời gian, không gian, địa điểm. Có căn cứ chứng minh bị cáo T đã tàng trữ trái phép 1,064 gam ma túy Methamphetamine. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hành sự, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Về tính chất, mức độ của hành vi:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Ma túy là hiểm họa cho đời sống cộng đồng, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác, là nguy cơ lây truyền các căn bệnh xã hội như HIV, AIDS... Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển... trái phép chất ma túy. Bị cáo nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, song bị cáo vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội phạm này.

[7] Xét về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện, không có tài sản do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với lời khai của T về việc N bán ma túy cho T cơ quan cảnh sát điều tra đã khám xét nhà ở của N, cho đối chất giữa N và T nhưng không có kết quả do vậy không có căn cứ để xử lý N về tội mua bán trái phép chất ma túy.

[9] Về vật chứng của vụ án:

- Cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ tang vật là số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định và chiếc điện thoại mà bị cáo dùng vào việc gọi điện để hỏi mua ma túy.

- Đối với chiếc điện thoại của chị Nguyễn Thị T2 không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại chị T2.

- Đối với chiếc xe máy của ông T3 đã cho vợ chồng T mượn từ lâu, khi T đi mua ma túy ông T3 không biết, T cũng không nói cho ông T3 biết là mình xe máy đó để đi mua ma túy. Cơ quan cảnh sát Điều tra đã trả lại ông T3 chiếc xe máy này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[10] Cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt: Trần Văn T 20 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 27/12/2020.

- **Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.**

- **Về vật chứng:**

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

01 phong bì có ký hiệu “QT” đã được niêm phong bên trong gồm:

- Mẫu viên nén màu hồng đỏ là ma túy, loại Methamphetamin có khối lượng 0,254 gram

- Mẫu tinh thể màu trắng là ma túy, loại Methamphetamin có khối lượng 0,758 gram

- Vỏ bao gói mẫu sau giám định.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động iphone 5s có số IMEI: 352.031.061.327.143 của bị cáo Trần Văn T.

- Trả lại chị Nguyễn Thị T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu FORME màu đỏ trắng có số Imei 1: 354233100554103; Imei 2: 354233100554111.

- **Về án phí:** Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo T, ông T3, chị T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tốt đạt án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan CSĐT – CA huyện Hiệp Hòa;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Lưu HSVA – VPTA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Văn Chúc